

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng NSNN)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THCS-THPT Diên Hồng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) như sau:

Dvt: Triệu đồng



Số TT	Nội dung	Dự toán NĂM	Ước thực hiện Quý / 6 tháng / năm	Ước thực hiện / Dự toán Quý (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý (6 tháng , năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
II	Số thu phí, lệ phí	5.432	5.432	-	-
1	Lệ phí	-	-	-	-
2	Phí	5.432	5.432	-	-
	Học phí	1.970	1.970	100%	100%
	Tin học	320	320	100%	100%
	Dạy học buổi 02	769	769	100%	100%
	Anh văn bản xứ	1.302	1.302	100%	100%
	Stem	1.071	1.071	100%	100%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	5.432	5.432	-	-
1	Chi sự nghiệp	5.432	5.432	-	-

a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.432	5.432	-	-
	Học phí	1.970	1.970	100%	100%
	Tin học	320	320	100%	100%
	Dạy học buổi 02	769	769	100%	100%
	Anh văn bản xử	1.302	1.302	100%	100%
	Stem	1.071	1.071	100%	100%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-		
1	Lệ phí	-	-		
	Lệ phí A	-	-		
	Lệ phí B	-	-		
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.225	17.225		
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.225	17.225	-	-
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	-		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-	-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-	-		
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-	-		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	17.225	17.225		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.578	9.578	100%	100%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.647	7.647	100%	100%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-		

4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
5	Chi bảo đảm xã hội	-	-		
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
6	Chi hoạt động kinh tế	-	-		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-		
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-		
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-		
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-		
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		

Ngày 15 tháng 01 năm 2023


 HANG CHU LOP THU